ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3033 /QĐ-UBND	*Phú Thọ, ngày 08 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Thọ năm 2025; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 21/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 46/2026/TT-BXD ngày 30/06/2026 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn (QCVN 01:2026/BXD);

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 27/9/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành quy định quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 836 /QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2040 - tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND huyện Tam Dương về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Hoa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của UBND huyện Tam Dương về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Đồng Tĩnh, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 01/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc lập quy hoạch và kế hoạch kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (đợt 1);

Theo đề nghị tại Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 27/8/2026 của UBND xã Tam Dương Bắc trình phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch và Báo cáo kết quả thẩm định số 502/BCTĐ-SXD ngày 21/8/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050, tỷ lệ 1/5.000, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050, tỷ lệ 1/5.000.

2. Đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch: UBND xã Tam Dương Bắc.

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần TVXD Đô thị và Công nghiệp Miền Bắc.

4. Phạm vi ranh giới, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

- Phía Bắc giáp xã Đại Đình và tỉnh Thái Nguyên;

- Phía Nam giáp xã Tam Dương;

- Phía Đông giáp xã Tam Đảo;

- Phía Tây giáp xã Thái Hòa và xã Liên Hòa.

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của toàn xã Tam Dương Bắc khoảng 4.580 ha.

- Thời hạn Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050 *(Theo thời hạn của điều chỉnh quy hoạch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).*

5. Quan điểm và mục tiêu

a) Quan điểm

- Về quan điểm phát triển tổng quát, việc lập Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc, tỉnh Phú Thọ đến năm 2050 góp phần quan trọng đầu tư xây dựng và quản lý, đưa xã Tam Dương Bắc đạt đầy đủ các Tiêu chí đô thị loại III; là cơ sở thu hút đầu tư góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã Tam Dương Bắc nói riêng và tỉnh Phú Thọ nói chung một cách nhanh chóng, hiệu quả và bền vững đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Trong đó, cần chú trọng đẩy mạnh đô thị hoá cùng với xây dựng nông thôn mới văn minh hiện đại nhưng vẫn bảo tồn được các giá trị văn hoá truyền thống; xây dựng nền hành chính vững mạnh; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế địa phương; dịch chuyển kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ, thương mại.

- Về quan điểm phát triển không gian quy hoạch, các khu chức năng được bố trí trên cơ sở tối ưu hoá sự phù hợp của hiện trạng đối với chức năng sử dụng đất dự kiến. Quy hoạch đặc biệt quan tâm đến việc tổ chức hệ thống giao thông hợp lý và an toàn làm nền tảng cho việc tổ chức các hệ thống hạ tầng khác; tận dụng tối đa các tuyến giao thông đối ngoại đi qua khu vực nghiên cứu, xác định rõ hành lang giao thông công nghiệp, và các hành lang giao thông nội thị.

b) Mục tiêu

- Cụ thể hóa các chủ trương của Chính phủ, của tỉnh Phú Thọ về việc rà soát, sáp nhập các đô thị theo Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và thực hiện Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cụ thể hóa điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng xã Tam Dương Bắc là đô thị hạt nhân, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực xung quanh, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của khu vực đến năm 2050; Xây dựng xã Tam Dương Bắc trong mối quan hệ hài hoà với sự phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả đất đai và hệ thống cơ sở hạ tầng, tận dụng các lợi thế sẵn có về giao thông, cảnh quan và quỹ đất xây dựng. Xây dựng đô thị mới đáp ứng các yêu cầu về dân cư, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan môi trường, đảm bảo phát triển bền vững hướng đến đô thị loại III.

- Tổ chức lại không gian đô thị phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay cũng như định hướng phát triển kinh tế trong tương lai. Xây dựng các khu chức năng đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và nông lâm nghiệp, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của khu vực.

6. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch

a) Tính chất

Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật là hạt nhân thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế, xã hội của khu vực Tam Dương Bắc; là khu vực có vai trò quan trọng về mặt an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ của khu vực Tam Dương Bắc.

Tam Dương Bắc là đô thị phát triển công nghiệp - thương mại - dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh Phú Thọ; là đầu mối dịch vụ, logistics gắn với các hành lang kinh tế và trục giao thông quan trọng; phát triển theo hướng xanh, sinh thái, hiện đại và bền vững, kết hợp hài hòa giữa đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp; là một trong những khu vực có vai trò động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực.

Đồ án Quy hoạch chung đô thị Tam Dương Bắc đến năm 2050 là cơ sở để cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh Phú Thọ, định hướng tổ chức không gian phát triển đô thị, quản lý sử dụng đất, quản lý xây dựng và làm cơ sở triển khai các chương trình, dự án đầu tư phát triển; bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, nâng cao chất lượng môi trường sống; bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng và an ninh trên địa bàn.

b) Vai trò, chức năng

Tam Dương Bắc là khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - thương mại dịch vụ phía Đông Bắc tỉnh Phú Thọ; có vai trò kết nối các khu, cụm công nghiệp với hệ thống đô thị, dịch vụ và vùng sản xuất nông nghiệp; là đầu mối phát triển thương mại - dịch vụ, logistics và các dịch vụ đô thị. Định hướng phát triển đô thị và nhà ở; công nghiệp sạch, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; thương mại - dịch vụ; logistics, vận tải, kho bãi; giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao; nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái và hệ thống cây xanh, mặt nước.

7. Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2025: 37.284 người.

- Dân số dự báo đến năm 2040 khoảng 44.589 người.

- Dân số dự báo đến năm 2050 khoảng 50.238 người.

(Quy mô dân số cụ thể sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án).

b) Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu trong khu vực quy hoạch: Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ

yếu sẽ được áp dụng cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp theo các quy định của QCVN 01:2026/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch đô thị và nông thôn"; QCVN 07:2023/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật" và tiêu chuẩn hiện hành.

8. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với các nội dung quy hoạch:

8.1. Yêu cầu về mức độ khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng

a) Yêu cầu về điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu

- Các tài liệu, số liệu về hiện trạng khu vực lập quy hoạch khi thu thập, điều tra khảo sát hiện trạng để làm cơ sở lập đồ án quy hoạch chung cần đảm bảo cập nhật số liệu mới nhất để phân tích, đánh giá đúng và đầy đủ các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, dự báo nhu cầu phát triển, quy mô của đồ án.

- Các tài liệu, số liệu được thu thập từ nguồn đáng tin cậy.

b) Yêu cầu về đánh giá hiện trạng

- Đánh giá đúng và đầy đủ các điều kiện tự nhiên (địa hình, địa chất, thủy văn, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu...).

- Điều tra, đánh giá hiện trạng dân cư, đất đai và sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch.

- Đánh giá về hiện trạng sử dụng đất và quản lý đất đai; hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi quy hoạch và có liên quan.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển đối với vùng lập quy hoạch.

- Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

8.2. Yêu cầu nghiên cứu về các nội dung của quy hoạch chung

a) Phân tích, đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên, hiện trạng và tiềm năng phát triển

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, dân cư, lao động, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan và môi trường khu vực lập quy hoạch.

- Đánh giá vị trí, vai trò, mối liên hệ của đô thị Tam Dương Bắc với hệ thống đô thị, các khu chức năng, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trung tâm dịch vụ và các khu vực phát triển khác của tỉnh Phú Thọ và các địa phương lân cận.

- Rà soát, đánh giá các quy hoạch cấp trên, quy hoạch có liên quan, các chương trình, dự án đầu tư đang triển khai hoặc còn hiệu lực trên địa bàn; xác định những nội dung cần kế thừa, điều chỉnh và cụ thể hóa trong quy hoạch chung.

- Đánh giá tiềm năng, lợi thế và các hạn chế, thách thức đối với quá trình phát triển đô thị; xác định các khu vực có khả năng phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics, nông nghiệp công nghệ cao và các chức năng khác.

- Đánh giá các yếu tố về biến đổi khí hậu, thiên tai, môi trường, quốc phòng, an ninh và các yếu tố khác có tác động đến định hướng phát triển đô thị.

b) Dự báo phát triển

- Dự báo quy mô dân số, lao động và nhu cầu sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch đến năm 2040 và năm 2050; xem xét đầy đủ các yếu tố tăng dân số tự nhiên, tăng cơ học, đô thị hóa và khả năng thu hút dân cư do phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ và các dự án đầu tư.

- Dự báo nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu; xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và các động lực tăng trưởng của đô thị.

- Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị, đất dân dụng, đất ngoài dân dụng và nhu cầu phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn.

- Xác định các yêu cầu và chỉ tiêu phát triển đô thị phù hợp với định hướng đô thị loại III và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

c) Xác định cấu trúc và định hướng phát triển không gian đô thị

- Xác định mô hình, cấu trúc phát triển không gian đô thị phù hợp với vị trí, vai trò, điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tam Dương Bắc.

- Xác định khu vực trung tâm đô thị, các trung tâm chuyên ngành, các khu đô thị hiện hữu, khu vực phát triển mới, các khu vực cải tạo, chỉnh trang và các khu chức năng chủ yếu.

- Định hướng tổ chức không gian các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, cây xanh, mặt nước và các chức năng đô thị khác.

- Xác định các trục không gian, tuyến phố chính, cửa ngõ đô thị, không gian mở, khu vực cảnh quan đặc trưng, điểm nhấn và các khu vực có yêu cầu kiểm soát phát triển.

- Tổ chức không gian đô thị gắn với hệ thống giao thông đối ngoại, các hành lang phát triển kinh tế và các khu vực có lợi thế về cảnh quan, quỹ đất và hạ tầng.

- Đề xuất giải pháp phát triển đô thị theo hướng xanh, sinh thái, hiện đại, thông minh và bền vững; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, bảo vệ cảnh quan và bản sắc khu vực.

d) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

- Xác định vị trí, quy mô, bán kính phục vụ và mạng lưới các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị và cấp đơn vị ở, bao gồm: hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ, chợ, công viên, cây xanh và các công trình dịch vụ công cộng khác.

- Xác định nhu cầu và định hướng phát triển nhà ở, khu dân cư, khu đô thị mới; chú trọng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và người lao động gắn với các khu, cụm công nghiệp và các khu vực phát triển việc làm.

- Đề xuất các giải pháp cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, nâng cao chất lượng môi trường sống và bảo đảm khả năng tiếp cận đồng bộ các dịch vụ đô thị.

e) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Xác định khung hệ thống giao thông đối ngoại và giao thông đô thị; tổ chức mạng lưới đường phù hợp với cấu trúc không gian đô thị, bảo đảm kết nối thuận lợi giữa các khu chức năng và các khu vực lân cận.

- Xác định nhu cầu và định hướng phát triển hệ thống cấp điện, chiếu sáng đô thị, thông tin liên lạc và hạ tầng viễn thông thụ động.

- Xác định cao độ nền xây dựng, hướng thoát nước mặt, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; đề xuất các giải pháp phòng, chống ngập úng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xác định nguồn, công trình đầu mối và mạng lưới cấp nước; bảo đảm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác của đô thị.

- Xác định vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm khoảng cách an toàn môi trường và dải cây xanh cách ly theo quy định.

- Đề xuất các giải pháp phát triển hạ tầng kỹ thuật theo hướng đồng bộ, hiện đại, tiết kiệm năng lượng và phù hợp với khả năng đầu tư theo từng giai đoạn.

f) Định hướng sử dụng đất

- Xác định nhu cầu và phân bổ quỹ đất cho các chức năng đô thị theo từng giai đoạn; xác định ranh giới các khu vực phát triển đô thị, khu vực hạn chế phát triển và khu vực cần bảo vệ.

- Xác định quy mô, vị trí các loại đất xây dựng đô thị; các chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu phù hợp với quy mô dân số, mô hình và cấu trúc phát triển đô thị.

- Xác định quỹ đất phục vụ phát triển nhà ở, công trình công cộng, cây xanh, giao thông, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics và các chức năng khác.

- Đề xuất lộ trình khai thác, sử dụng đất theo từng giai đoạn, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế chuyển đổi đất sản xuất không cần thiết và phù hợp với quy hoạch cấp trên.

g) Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị

- Xác định các khu vực có yêu cầu quản lý về kiến trúc, cảnh quan; các tuyến phố, trục không gian chính, cửa ngõ, quảng trường, công viên, không gian công cộng và các điểm nhấn đô thị.

- Đề xuất nguyên tắc tổ chức kiến trúc, cảnh quan đối với các khu vực hiện hữu, khu vực cải tạo chỉnh trang và khu vực phát triển mới.

- Xác định các khu vực cần bảo tồn, tôn tạo cảnh quan, các giá trị văn hóa, lịch sử và cảnh quan tự nhiên có ý nghĩa đối với đô thị.

- Định hướng hệ thống cây xanh, mặt nước, không gian công cộng và các hành lang xanh nhằm hình thành cấu trúc đô thị xanh, sinh thái và có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

h) Yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

- Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm, các khu vực có nguy cơ ô nhiễm, ngập úng, sạt lở và các nguy cơ thiên tai khác; xác định các khu vực cần kiểm soát hoặc hạn chế phát triển.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, đất, không khí, hệ sinh thái và cảnh quan; kiểm soát tác động môi trường từ hoạt động đô thị, công nghiệp, giao thông và các hoạt động sản xuất khác.

- Xác định các khu vực, công trình cần bảo đảm hành lang an toàn môi trường; bố trí dải cây xanh cách ly đối với các khu chức năng có nguy cơ tác động đến khu dân cư.

- Đề xuất các giải pháp sử dụng năng lượng hiệu quả, phát triển hạ tầng xanh, tăng cường cây xanh và mặt nước, nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

i) Quốc phòng, an ninh và phòng thủ dân sự

- Rà soát các khu vực, công trình quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ và các hành lang bảo vệ có liên quan; bảo đảm không gian phát triển đô thị phù hợp với yêu cầu quốc phòng, an ninh.

- Xác định các yêu cầu về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và phòng thủ dân sự; bảo đảm khả năng sử dụng các công trình hạ tầng phục vụ yêu cầu phòng thủ, cứu hộ, cứu nạn khi cần thiết.

k) Phân kỳ đầu tư và xác định các chương trình, dự án ưu tiên

- Xác định các giai đoạn phát triển đô thị phù hợp với dự báo dân số, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động nguồn lực.

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, chỉnh trang đô thị, phát triển khu đô thị mới, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, logistics và bảo vệ môi trường.

- Đề xuất các giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tạo cơ sở triển khai các dự án phát triển đô thị theo quy hoạch.

l) Các nội dung khác

- Đề xuất các quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị làm cơ sở quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan, sử dụng đất và đầu tư xây dựng trên địa bàn.

- Xác định các khu vực cần lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết hoặc các quy hoạch có liên quan để cụ thể hóa quy hoạch chung.

- Các nội dung nghiên cứu khác được xác định trong quá trình lập quy hoạch và theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, cơ quan có thẩm quyền.

9. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch:

9.1. Hồ sơ quy hoạch: Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án Quy hoạch chung đô thị được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 và thông tư số 43/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của bộ trưởng bộ xây dựng quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn của Bộ Xây dựng.

STT	Hạng mục	Tỷ lệ
A	**Phần bản vẽ**	
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng	1/5.000
3	Bản đồ đánh giá tổng hợp về đất xây dựng	1/5.000
4	Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị	Tỷ lệ thích hợp
5	Bản đồ định hướng phát triển không gian	1/5.000
6	Bản đồ sử dụng đất quy hoạch theo các giai đoạn	1/5.000
7	Các bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật	1/5.000
8	Các bản vẽ thiết kế đô thị	Tỷ lệ thích hợp
B	**Phần thuyết minh**	
1	Thuyết minh	
2	Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch chung đô thị và dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chung đô thị	
3	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị; văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp có thẩm quyền về việc tổ chức lập quy hoạch chung	
4	Quyết định phê duyệt các quy hoạch liên quan, quyết định phê duyệt quy hoạch chung lần trước (nếu có)	
5	Văn bản khác có liên quan	

9.2. Yêu cầu thể hiện hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS

a) Các lớp dữ liệu: Các lớp dữ liệu sẽ được chuyển đổi sang CSDL GIS gồm:

STT	Tên bảng dữ liệu	Dạng dữ liệu không gian
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Ảnh geotiff
2	Bản đồ hiện trạng:	Vùng, đường, điểm
	Bản đồ hiện trạng điều kiện tự nhiên, hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch	
	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật	
3	Bản đồ định hướng phát triển không gian	
4	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm:	Vùng, đường, điểm
	Bản đồ định hướng cao độ nền	

	Bản đồ định hướng hệ thống giao thông	
	Bản đồ định hướng hệ thống cấp điện	
	Bản đồ định hướng hệ thống cấp nước	
	Bản đồ định hướng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	
	Bản đồ định hướng hạ tầng và viễn thông thụ động	
5	Bản đồ định hướng sử dụng đất quy hoạch	Vùng, đường, điểm

Thông tin của các đối tượng trên phải được lấy từ các nguồn: Bản đồ, các biểu quy hoạch, quyết định và thuyết minh quy hoạch được phê duyệt.

b) Sản phẩm GIS:

- GIS hóa dữ liệu: Định dạng định dạng dữ liệu Shapefile và Geodatabase (gdb). Hệ tọa độ VN2000.

- Số hóa, nắn chuyển các bản đồ: Định dạng bàn giao File GeoTiff; PDF. Hệ tọa độ VN2000.

- Xây dựng hồ sơ số quy hoạch xây dựng: Sản phẩm được đóng gói theo đồ án. Dữ liệu GIS hóa. Dữ liệu số hóa và nắn chuyển. Các văn bản tài liệu điện tử liên quan.

- Tích hợp lên hệ thống Thông tin và CSDL quy hoạch xây dựng tỉnh Phú Thọ https://quyhoachxaydung.phutho.gov.vn.

10. Dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch

10.1. Dự toán kinh phí lập quy hoạch

Tổng kinh phí lập quy hoạch: **3.877.965.000 đồng** *(Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi năm nghìn đồng chẵn./.)*

Trong đó:

STT	Nội dung	Giá trị	ĐVT
1	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch chung đô thị	50.582.000	đồng
2	Chi phí lập quy hoạch chung đô thị	3.413.513.000	đồng
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	5.761.000	đồng
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	154.271.000	đồng
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch	144.074.000	đồng
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức đại diện cộng đồng dân cư	37.000.000	đồng
7	Công bố quy hoạch	30.000.000	đồng
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn	13.856.000	đồng
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	3.464.000	đồng
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.464.000	đồng
11	Chi phí thẩm tra quyết toán	21.979.000	đồng

10.2. Chi phí lập nhiệm vụ, khảo sát địa hình:

Được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quyết định số 135/2025/QĐ-UBND ngày 22/12/2025 của UBND tỉnh về ban hành quy định một số nội dung liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

10.3. Nguồn vốn: Ngân sách xã, kết hợp các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Tam Dương Bắc

- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Phú Thọ.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Phú Thọ.

- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ ngày lựa chọn được đơn vị tư vấn lập quy hoạch.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tam Dương Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các CV: CNXD;
- Lưu: VT, CN8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn